TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Di sản Phật giáo và phát triển công nghiệp văn hóa (P.2)

ISSN: 2734-9195 07:45 15/11/2026

Nếu được tổ chức, khai thác và phát huy đúng hướng, di sản có thể trở thành nguồn lực kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy dịch vụ, thương mại, giao lưu quốc tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Nhìn từ Bồ Đề Đạo Tràng và những gợi mở đối với Việt Nam

1. Bồ Đề Đạo Tràng: Di sản tâm linh trở thành nguồn lực phát triển

Sáng hôm sau, đoàn chúng tôi có dịp gặp gỡ và trò chuyện với Thượng tọa Bhikkhu Dr. Manoj, một trong chín thành viên thuộc ban quản lý quần thể Đại Bồ Đề Đạo Tràng. Ngài phụ trách công tác khánh tiết, đón tiếp, nghi lễ và tổ chức các thời khóa hành lễ vào buổi sáng, buổi tối hằng ngày.

Đa số du khách hành hương đến từ Việt Nam đều cảm nhận được sự gần gũi của Thượng tọa, trong gần 20 năm qua, Thượng tọa đã nhiều lần đến Việt Nam hoằng pháp, đặt chân đến hầu hết các địa phương trải dài từ Bắc đến Nam. Qua những câu chuyện của Thượng tọa, chúng tôi cảm nhận được một tình cảm sâu nặng dành cho đất nước và con người Việt Nam.

Thượng tọa kể về những lần đón tiếp các nguyên thủ quốc gia, các đoàn đại biểu cấp cao đến chiêm bái Bồ Đề Đạo Tràng, trong đó có các đoàn lãnh đạo Việt Nam nhân dịp thăm chính thức Ấn Độ, từ chuyến thăm của nguyên Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng đến chuyến thăm của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm cùng đoàn đại biểu cấp cao Việt Nam. Ngài xúc động chia sẻ rằng, cách đây khoảng 10 năm, Ngài đã có dịp gặp Tổng Bí thư lúc đó ở cương vị khác và nay rất vui mừng được gặp lại trong bầu không khí thân tình, ấm áp. Điều Ngài luôn hướng đến không chỉ là sự trang nghiêm của một trung tâm hành hương Phật giáo quốc tế, mà còn là lời cầu nguyện cho hòa bình, hạnh phúc của nhân dân Việt Nam và các quốc gia trên thế giới.

Ấn tượng hơn cả là phong thái gần gũi, bình dị và lòng từ bi của Ngài. Với những đề nghị chính đáng, trong khả năng có thể, Ngài luôn sẵn lòng hỗ trợ phật tử. Có lẽ chính sự chân thành ấy, cùng với sức hấp dẫn thiêng liêng của từ trường Thiện - nơi đức Phật Thành Đạo, đã góp phần khiến ngày càng đông phật tử, du khách từ Việt Nam và khắp thế giới tìm về chiêm bái.

Nhìn lại năm 2014, trong chuyến hành hương Tứ thánh tích Phật giáo tại Ấn Độ, chúng tôi còn nhớ việc di chuyển đến Bồ Đề Đạo Tràng khá vất vả. Sau khi hạ cánh tại New Delhi hoặc Kolkata, đoàn phải tiếp tục di chuyển bằng đường bộ trong nhiều giờ. Thế nhưng, những năm gần đây, cùng với sự gia tăng của lượng khách hành hương, hệ thống giao thông và hạ tầng phục vụ du lịch tại bang Bihar đã có nhiều thay đổi, trong đó có việc đầu tư sân bay nội địa Gaya, tạo thuận lợi đáng kể cho du khách quốc tế.

Theo những thông tin được chia sẻ trong chuyến đi, Bồ Đề Đạo Tràng đón khoảng 2–3 triệu lượt khách mỗi năm, khách nội địa Ấn Độ chiếm tỷ trọng lớn, kế đến là khách quốc tế đến từ Sri Lanka, Trung Quốc, Nhật Bản, Thái Lan, Việt Nam và nhiều quốc gia có truyền thống Phật giáo.

Vì vậy, từ một địa danh gắn với sự kiện Phật Thành Đạo cách đây hơn 2.600 năm không chỉ là nơi lưu giữ ký ức thiêng liêng của nhân loại, mà còn đang trở thành một động lực quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Bihar vốn là một trong những bang còn nhiều khó khăn về kinh tế của Ấn Độ, nhưng thật là đặc biệt, vùng đất này sở hữu những di sản có giá trị đặc biệt đối với lịch sử văn minh nhân loại, tiêu biểu là Bồ Đề Đạo Tràng và phế tích Đại học Nalanda. Chính quyền Ấn Độ ngày càng chú trọng khai thác lợi thế ấy thông qua phát triển du lịch văn hóa, du lịch tâm linh và các dịch vụ đi kèm.

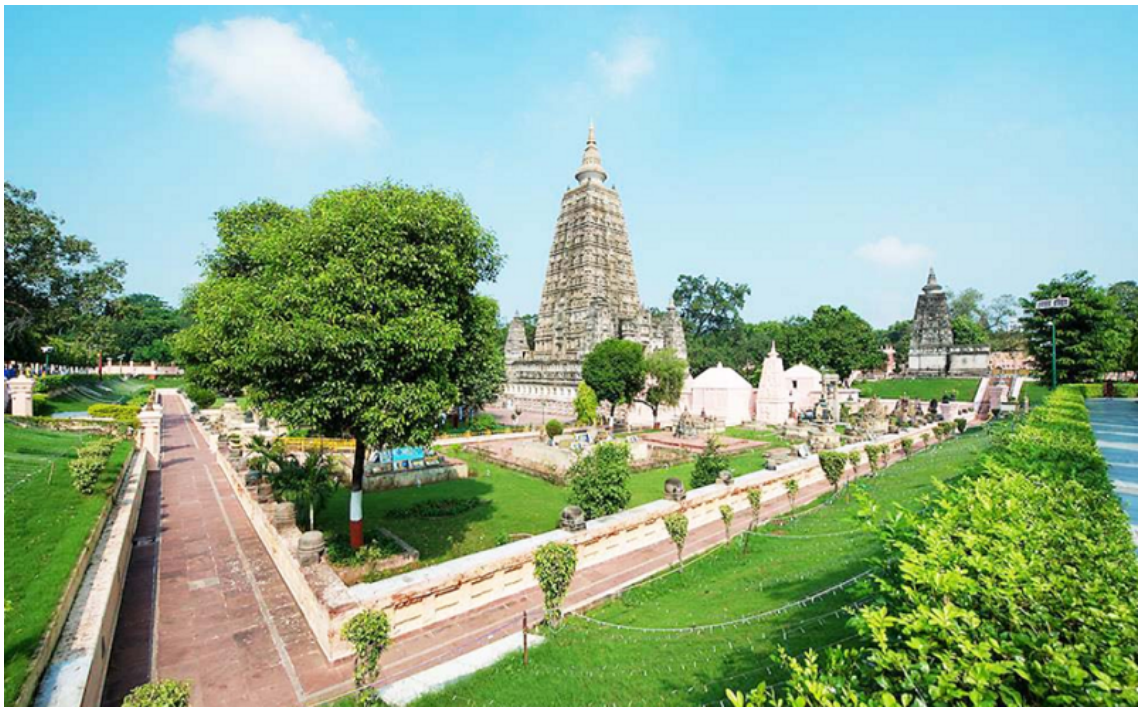
Ấn Độ đã đẩy mạnh đầu tư hạ tầng giao thông, cơ sở lưu trú, không gian trải nghiệm, thiền định và các công trình phục vụ khách hành hương đã cho thấy một chủ trương rất nhân văn và nhân bản của Chính phủ Ấn Độ, đó là bảo vệ di sản và phát triển nền kinh tế từ di sản văn hóa. Bảo tồn di sản không chỉ để gìn giữ quá khứ, mà còn để tạo dựng nguồn lực cho tương lai.

Từ thực tế ấy, chúng tôi nhận ra một điều: di sản văn hóa Phật giáo không phải là những giá trị tĩnh tại, chỉ được bảo tồn trong bảo tàng, chùa tháp hay những trang sử cũ. Nếu được tổ chức, khai thác và phát huy đúng hướng, di sản có thể trở thành nguồn lực kinh tế, tạo việc làm, thúc đẩy dịch vụ, thương mại, giao lưu quốc tế và nâng cao đời sống nhân dân.

Một ví dụ đáng chú ý khác là ngành dệt lụa tại Bhagalpur, thuộc bang Bihar, vốn nổi tiếng với dòng lụa Tussar. Nhu cầu mua sắm của khách hành hương, cùng các hoạt động tín ngưỡng như dâng y Kathina, đã góp phần tạo ra thị trường tiêu thụ các sản phẩm vải vóc, y phục Phật giáo và hàng thủ công truyền thống.

Hãy thử hình dung quy mô kinh tế có thể hình thành từ một nghi lễ tôn giáo được tổ chức thường niên, với hàng nghìn, hàng vạn người tham dự. Mỗi bộ y phục được dâng cúng không chỉ mang ý nghĩa tâm linh, mà phía sau đó còn là công sức của người trồng dâu, nuôi tằm, người dệt vải, người may mặc, người vận chuyển và những người làm dịch vụ. Một hoạt động tín ngưỡng vì thế có thể kết nối thành một chuỗi giá trị kinh tế, văn hóa và xã hội.

Đó chính là điều đáng để chúng ta suy nghĩ khi nhìn vào mối quan hệ giữa bảo tồn di sản, thực hành tín ngưỡng và phát triển công nghiệp văn hóa.



Bồ Đề Đạo Tràng (Ấn Độ). Hình ảnh sưu tầm.

2. Nghĩ về di sản Phật giáo Việt Nam

Mỗi buổi sáng, chúng tôi cùng nhau thức dậy thật sớm, đến Đại Bảo tháp Giác ngộ lễ Phật, ngồi thiền dưới cội Bồ đề thiêng liêng. Giữa không gian thanh tịnh ấy, nhìn những dòng người nối dài, thành kính chờ đến lượt dâng y Kathina, dâng hoa và thực hiện các nghi thức cúng dường Tam bảo, trong tôi chợt dấy lên một suy nghĩ: Việt Nam cũng có một kho tàng di sản Phật giáo vô cùng phong phú, vậy chúng ta đã khai thác và phát huy nguồn lực ấy tương xứng hay chưa?

Câu trả lời thật không dễ, theo nhiều công trình nghiên cứu, Phật giáo đã hiện diện ở Việt Nam từ rất sớm, với lịch sử trên 2.000 năm. Đáng chú ý, những dấu tích giao lưu văn hóa và thương mại đường biển cho thấy Phật giáo có thể đã được truyền trực tiếp từ Ấn Độ vào Việt Nam trước khi phát triển mạnh mẽ qua các tuyến giao lưu với Trung Hoa. Những tư liệu trong Lĩnh Nam chích quái, cùng các nghiên cứu về trung tâm Phật giáo Luy Lâu, góp phần khẳng định chiều sâu lịch sử và tính đa dạng trong quá trình hình thành Phật giáo Việt Nam.

Một trong những dấu mốc đặc biệt trên dòng chảy lịch sử ấy là sự xuất hiện của Phật hoàng Trần Nhân Tông – vị minh quân từ bỏ ngai vàng, xuất gia tu hành và sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử. Hình ảnh một vị vua trở thành nhà tu hành, một nhà lãnh đạo dân tộc kết hợp hài hòa giữa đạo và đời, đã tạo nên dấu ấn độc đáo trong lịch sử Phật giáo Việt Nam.

Trải qua hơn hai thiên niên kỷ, Phật giáo không chỉ tồn tại như một tôn giáo mà còn hòa quyện, thẩm thấu vào đời sống văn hóa, tinh thần và bản sắc dân tộc.

Di sản ấy hiện diện trong tư tưởng từ bi, trí tuệ, vị tha, tinh thần hòa bình và triết lý nhân quả; trong hệ thống chùa tháp, tượng Phật, kiến trúc và nghệ thuật điêu khắc; trong văn học, ngôn ngữ, âm nhạc và các loại hình nghệ thuật truyền thống. Những khái niệm như từ bi, nhân quả, trí tuệ, duyên phận đã trở nên gần gũi trong đời sống thường nhật. Những phong tục như ăn chay ngày rằm, mồng một, lễ Phật đầu năm, thờ kính tổ tiên, thực hành các hoạt động thiện nguyện và cứu trợ xã hội đã góp phần tạo nên nét đẹp văn hóa của người Việt.

Đặc biệt, có hai lễ hội Phật giáo lớn đã trở thành những sinh hoạt văn hóa cộng đồng có sức lan tỏa sâu rộng: Đại lễ Phật đản Vesak và Đại lễ Vu Lan báo hiếu.

Đại lễ Phật đản Vesak – di sản văn hóa của hòa bình và tình thương

Trong truyền thống Phật giáo, ba sự kiện trọng đại của cuộc đời đức Phật Thích Ca Mâu Ni là Đản sinh, Thành đạo và Nhập Niết bàn đều gắn với ngày trăng tròn tháng Vesak. Vì vậy, ngày rằm tháng Tư Âm lịch hằng năm đã trở thành dịp thiêng liêng để hàng triệu tăng ni, phật tử tưởng niệm và tri ân đức Phật.

Năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua Nghị quyết 54/115, chính thức công nhận ngày Vesak là ngày lễ quốc tế của Liên Hợp Quốc. Từ đó, Vesak không chỉ là ngày lễ trọng đại của Phật giáo mà còn trở thành một sự kiện văn hóa quốc tế, lan tỏa những thông điệp về hòa bình, từ bi, đoàn kết và chung sống hòa hợp giữa các dân tộc.

Tại Việt Nam, Đại lễ Vesak ngày càng được tổ chức với quy mô và sức lan tỏa lớn. Đặc biệt, Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc năm 2025 đã để lại nhiều dấu ấn

đáng nhớ. Hành trình cung rước và tôn trí Xá lợi đức Phật tại nhiều tỉnh, thành phố đã thu hút đông đảo tăng ni, phật tử và nhân dân đến chiêm bái. Cùng với đó là hàng loạt hoạt động văn hóa, nghệ thuật, triển lãm và lễ hội quy mô lớn.

Những hình ảnh như lá cờ Phật giáo khổng lồ, không gian triển lãm di sản, lễ hội hoa đăng với hàng chục nghìn ngọn đèn cầu nguyện hòa bình, các chương trình nghệ thuật Phật giáo quy tụ đông đảo nghệ sĩ và tăng ni sinh đã cho thấy sức sống mạnh mẽ của văn hóa Phật giáo trong xã hội đương đại.

Điều đó gợi mở một hướng đi rất đáng quan tâm: Đại lễ Vesak không chỉ dừng lại ở các hoạt động nghi lễ, hội thảo và giao lưu tôn giáo, mà hoàn toàn có thể trở thành một không gian hội tụ các ngành công nghiệp văn hóa, từ du lịch, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, xuất bản, thiết kế, thời trang, thủ công mỹ nghệ đến sản xuất các sản phẩm lưu niệm mang bản sắc Phật giáo Việt Nam.

Trong dòng suy nghĩ ấy, tôi đặc biệt mong muốn Việt Nam có thể nghiên cứu tổ chức Lễ hội dâng Y Cà Sa cúng dường Tam bảo như một hoạt động văn hóa quy mô toàn quốc, gắn với dịp Đại lễ Phật đản Vesak.

Đây không đơn thuần là việc tổ chức thêm một nghi lễ tôn giáo. Đó là cơ hội để khơi dậy truyền thống tri ân, lòng thành kính đối với đức Phật, đồng thời kết nối di sản Phật giáo với ngành dệt may, thủ công mỹ nghệ, thiết kế sáng tạo và du lịch văn hóa.

Nếu được tổ chức bài bản, có sự tham gia của Giáo hội, các địa phương, nhà nghiên cứu, nghệ nhân, doanh nghiệp và cộng đồng phật tử, lễ hội có thể hình thành những không gian giới thiệu, trình diễn, sáng tạo và quảng bá các sản phẩm y phục Phật giáo mang bản sắc Việt Nam. Từ đó, tạo thêm thị trường cho ngành dệt may, khuyến khích các làng nghề truyền thống, nâng cao giá trị sản phẩm và mở rộng cơ hội giao thương quốc tế.

Đại lễ Vu Lan – từ đạo hiếu đến sức mạnh văn hóa dân tộc

Nếu Vesak là biểu tượng của sự giác ngộ, trí tuệ và hòa bình thì Vu Lan lại là ngày hội của lòng hiếu thảo, tình mẫu tử và đạo lý tri ân.

Xuất phát từ câu chuyện của Phật giáo Đại thừa, đó là Tôn giả Mục Kiền Liên cứu mẹ theo lời chỉ dạy của đức Phật, Vu Lan đã trở thành một trong những lễ hội giàu tính nhân văn nhất của Phật giáo. Câu chuyện ấy nhắc nhở mỗi người về công ơn sinh thành, dưỡng dục của cha mẹ, về trách nhiệm sống thiện lành và biết tri ân những người đã hy sinh vì mình.

Người Việt Nam vốn có truyền thống coi trọng đạo hiếu. Bởi vậy, Vu Lan không chỉ là một ngày lễ của Phật tử mà đã trở thành một sinh hoạt văn hóa tinh thần có sức lan tỏa rộng lớn trong xã hội. Hình ảnh bông hồng cài áo, những lời kinh cầu nguyện cho cha mẹ, những chương trình nghệ thuật về tình mẫu tử đã trở thành biểu tượng xúc động của ngày lễ này.

Tôi đặc biệt nhớ đến ca khúc Tấm áo mẹ vá năm xưa của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý, sáng tác năm 1973. Hình ảnh người mẹ ngồi vá chiếc áo cho người con chiến sĩ trước ngày ra trận đã khắc sâu vào tâm thức nhiều thế hệ. Chiếc áo ấy không chỉ là vật dụng che thân, mà còn là tình thương, sự chở che và đức hy sinh thầm lặng của người mẹ. Khi người con trở về trong hòa bình, người mẹ đã không còn nữa, nhưng tấm áo vẫn lưu giữ tình mẫu tử bất diệt.

Liên tưởng đến nghi lễ dâng y Kathina tại Ấn Độ, tôi nhận ra một sự tương đồng sâu sắc: chiếc y của người tu sĩ không đơn thuần là một tấm vải, mà là biểu tượng của lòng tri ân, sự hộ trì và mối liên hệ bền chặt giữa người tại gia với Tăng đoàn. Cũng như tấm áo mẹ vá năm xưa, chiếc y được dâng lên bằng tất cả tấm lòng, để tiếp nối một hành trình cao đẹp của tình thương và sự phụng sự.

Nếu biết kết nối giá trị văn hóa ấy với các hoạt động sáng tạo, nghệ thuật, thời trang, sản xuất và du lịch, Đại lễ Vu Lan cũng có thể trở thành một không gian văn hóa giàu sức lan tỏa, vừa nuôi dưỡng đạo đức xã hội, vừa góp phần phát triển các sản phẩm công nghiệp văn hóa mang đậm bản sắc Việt Nam.

3. Từ truyền thống hộ trì Tam bảo đến sự đồng hành của doanh nhân trong phát triển công nghiệp văn hóa

Nhìn lại lịch sử Phật giáo, chúng ta thấy rằng sự hình thành và phát triển của Tăng đoàn không chỉ có công lao hoằng pháp của đức Phật và các vị Thánh đệ tử, mà còn có sự trợ duyên vô cùng quan trọng của hàng cư sĩ, trong đó có những thương nhân và doanh nhân tiêu biểu.

Theo truyền thống kinh điển, hai thương nhân Tapussa và Bhallika là những người đầu tiên dâng vật thực cúng dường đức Phật sau khi Ngài thành đạo, đồng thời trở thành những vị cận sự nam đầu tiên quy y Nhị bảo. Trưởng giả Cấp Cô Độc lại phát tâm hiến cúng khu vườn Kỳ Viên, tạo dựng nơi an cư và tu học cho Tăng đoàn.

Những câu chuyện ấy cho thấy một chân lý xuyên suốt lịch sử Phật giáo: sự trường tồn và phát triển của đạo pháp luôn cần có sự đồng hành của toàn xã

hội. Người xuất gia đảm nhiệm sứ mệnh tu tập, hoằng truyền giáo pháp; người tại gia hộ trì Tam bảo bằng trí tuệ, tài lực và những hành động thiết thực. Khi đạo và đời cùng hướng đến những giá trị tốt đẹp, sức mạnh cộng đồng sẽ được nhân lên.

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của doanh nhân và doanh nghiệp càng có ý nghĩa quan trọng. Họ không chỉ là những chủ thể tạo ra của cải vật chất, việc làm và đóng góp ngân sách, mà còn có thể trở thành lực lượng đầu tư, sáng tạo và lan tỏa các giá trị di sản văn hóa.

Với di sản Phật giáo, sự đồng hành ấy có thể được thể hiện qua việc đầu tư phát triển du lịch tâm linh, xây dựng sản phẩm văn hóa, phục hồi làng nghề, sản xuất pháp phục, xuất bản sách, phát triển điện ảnh, nghệ thuật biểu diễn, thiết kế mỹ thuật và ứng dụng công nghệ số trong quảng bá di sản.

Đặc biệt, ngành dệt may Việt Nam có nhiều lợi thế để tham gia vào chuỗi giá trị này. Từ những chất liệu truyền thống như tơ tằm, lụa, vải đũi đến các sản phẩm pháp phục, y phục nghi lễ và hàng thủ công mỹ nghệ, chúng ta hoàn toàn có thể xây dựng những dòng sản phẩm vừa mang giá trị sử dụng, vừa chứa đựng chiều sâu văn hóa và bản sắc dân tộc.

Một chiếc y được dâng cúng Tam bảo, nếu được sản xuất từ những làng nghề truyền thống, mang dấu ấn thiết kế Việt Nam và được giới thiệu trong các sự kiện Phật giáo quốc tế, sẽ không chỉ có giá trị trong nghi lễ mà còn trở thành một sản phẩm văn hóa có khả năng quảng bá hình ảnh đất nước và con người Việt Nam.

4. Đánh thức nguồn lực di sản Phật giáo trong kỷ nguyên phát triển mới

Trở về từ Bồ Đề Đạo Tràng, điều đọng lại trong chúng tôi không chỉ là sự thiêng liêng của nơi đức Phật thành đạo, mà còn là cách một quốc gia đang từng bước biến lợi thế di sản thành nguồn lực phát triển.

Ấn Độ đã cho chúng ta thấy rằng, một vùng đất từng gắn với những khó khăn về kinh tế vẫn có thể tạo dựng những cơ hội phát triển mới từ chính chiều sâu lịch sử, văn hóa và tâm linh của mình. Di sản, nếu được bảo tồn đúng cách và tổ chức khai thác có tầm nhìn, có thể tạo ra giá trị vượt xa phạm vi một điểm tham quan.

Việt Nam cũng có những lợi thế đặc biệt. Chúng ta sở hữu hàng nghìn ngôi chùa cổ, những trung tâm Phật giáo lâu đời, các di tích lịch sử, những lễ hội truyền

thống, hệ thống di sản kiến trúc, mỹ thuật và kho tàng tư tưởng Phật giáo đã hòa quyện sâu sắc vào đời sống dân tộc. Đó là nguồn tài nguyên văn hóa vô giá mà không phải quốc gia nào cũng có được.

Vấn đề đặt ra là làm thế nào để chuyển hóa những giá trị ấy thành sản phẩm văn hóa có sức sống trong xã hội hiện đại, vừa bảo đảm tính thiêng liêng, chuẩn mực và bản sắc Phật giáo, vừa đáp ứng nhu cầu thưởng thức văn hóa, du lịch và tiêu dùng của công chúng.

Theo tôi, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương, các nhà nghiên cứu, nghệ nhân và cộng đồng doanh nghiệp. Trong đó, cần chú trọng một số định hướng:

- Bảo tồn và số hóa di sản Phật giáo: Xây dựng cơ sở dữ liệu về chùa tháp, di tích, cổ vật, kinh điển, nghệ thuật và lễ hội Phật giáo; ứng dụng công nghệ số để lưu trữ, nghiên cứu và quảng bá di sản.

- Phát triển du lịch văn hóa tâm linh: Kết nối các trung tâm Phật giáo, di tích lịch sử, làng nghề truyền thống và các tuyến hành hương trong nước, quốc tế; nâng cao chất lượng dịch vụ và trải nghiệm văn hóa.

- Xây dựng các lễ hội văn hóa Phật giáo có thương hiệu: Nghiên cứu tổ chức Lễ hội dâng Y Tam bảo gắn với Đại lễ Vesak, phát huy giá trị Đại lễ Vu Lan và các lễ hội Phật giáo truyền thống, tạo không gian giao lưu văn hóa và kết nối cộng đồng.

- Kết nối di sản với công nghiệp sáng tạo: Khuyến khích doanh nghiệp tham gia phát triển các sản phẩm pháp phục, dệt may, thủ công mỹ nghệ, xuất bản, nghệ thuật biểu diễn và sản phẩm lưu niệm mang bản sắc Phật giáo Việt Nam.

- Đẩy mạnh quảng bá quốc tế: Tận dụng các sự kiện Phật giáo quốc tế để giới thiệu văn hóa, nghệ thuật, sản phẩm và thương hiệu Việt Nam, từng bước đưa sản phẩm công nghiệp văn hóa ra thị trường thế giới.

Đặc biệt, việc hình thành một Lễ hội dâng Y Tam bảo mang tầm vóc quốc gia có thể là một hướng đi giàu ý nghĩa. Lễ hội không chỉ kết nối hàng triệu tấm lòng thành kính hướng về Tam bảo, mà còn mở ra cơ hội để các làng nghề dệt may, các nhà thiết kế, doanh nghiệp và nghệ nhân cùng tham gia sáng tạo, sản xuất và quảng bá sản phẩm văn hóa.

Đó là cách để một nghi lễ truyền thống tiếp tục sống trong đời sống đương đại; để giá trị tâm linh không tách rời đời sống kinh tế; để di sản không chỉ được gìn giữ bằng sự tưởng niệm mà còn được tiếp nối bằng những hành động sáng tạo

và thiết thực.

Đất nước Việt Nam đang bước vào một giai đoạn phát triển mới, với khát vọng vươn mình mạnh mẽ. Trong hành trình ấy, công nghiệp văn hóa cần được nhìn nhận như một động lực quan trọng của tăng trưởng, đồng thời là phương thức bảo vệ và phát huy bản sắc dân tộc.

Di sản Phật giáo Việt Nam, với chiều sâu hơn hai nghìn năm lịch sử, không chỉ thuộc về quá khứ mà còn có thể đóng góp thiết thực cho tương lai. Từ một ngôi chùa cổ, một pho tượng, một lễ hội, một tấm y được dâng cúng Tam bảo đến những sản phẩm sáng tạo mang dấu ấn văn hóa Việt Nam, tất cả đều có thể trở thành những mắt xích trong hành trình phát triển ấy.

Có lẽ, điều đẹp đẽ nhất mà chúng ta có thể học được từ Bồ Đề Đạo Tràng chính là: Di sản chỉ thực sự trường tồn khi những giá trị tinh thần được gìn giữ, được trao truyền và tiếp tục tạo ra những giá trị tốt đẹp cho con người hôm nay và các thế hệ mai sau.

Đó cũng là cách thiết thực để tri ân đức Phật, tri ân những vùng đất đã nuôi dưỡng và lưu truyền Phật pháp, đồng thời phát huy di sản Phật giáo Việt Nam, đóng góp vào sự phát triển phồn vinh, hạnh phúc và bền vững của đất nước.

Tác giả: **Phạm Tuấn Anh**